TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** TỈNH QUẢNG NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/2019/QĐST-HNGĐ	*Điện Bàn, ngày 04 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật HNGĐ;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 72/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Lê B, sinh năm: 1984

+ Nơi ĐKHKTT: Thôn Bãi Ô, xã Tân H, thành phố Hội A, Quảng N

+ Nơi ở hiện nay: Khối Thanh V, phường Hòa Khánh B, quận Liên Ch, thành phố Đ.

2. Bà Trần Thị Mộng H, sinh năm: 1983

+ Địa chỉ: Thôn Phú T, xã Điện Q, thị xã Điện B, tỉnh Quảng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê B và bà Trần Thị Mộng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Điện Q, thị xã Điện B, tỉnh Quảng N. Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê B và bà Trần Thị Mộng H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Lê B và bà Trần Thị Mộng H thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trần Cúc Ph, sinh ngày 17/7/2009.

Các đương sự thỏa thuận: Giao con Lê Trần Cúc Ph cho bà Trần Thị Mộng H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 05/2019 cho đến khi con Lê Trần Cúc Ph đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông Lê B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Tự giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lê B tự nguyện chịu 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê B và bà Trần Thị Mộng H thuận tình ly hôn.

1.2/ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trần Cúc Ph, sinh ngày 17/7/2009. Giao con Lê Trần Cúc Ph cho bà Trần Thị Mộng H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lê B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 05/2019 cho đến khi con Lê Trần Cúc Ph đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông Lê B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.3/ Về tài sản chung và nợ chung: Tự giải quyết.

2/ Về lệ phí Tòa án: Ông Lê B tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001850 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành dân sự thị xã Điện án Bàn. Ông Lê B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- UBND xã Điện Q;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Lộc